

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 05 - 8 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

Ông Lê Văn Bài.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toàn số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn T.H, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn T.H trình bày:**

Vào năm 1992 bà xác lập quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Hùng C nhưng đến năm 2005 bà và ông C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống, bà và ông C có hai người con chung tên Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 10/01/1993 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 26/6/1996. Bà và ông C không xác lập tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng thường xuyên cự cãi qua lại với nhau nguyên nhân do ông C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con, do đó bà và ông C đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Bà thấy không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hùng C

- Về con chung: Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 10/01/1993 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 26/6/1996 đã trưởng thành sống tự lập, nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Hùng C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải và được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông Nguyễn Hùng C đều vắng mặt và không có lời trình bày.*

*Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất: Không có.*

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, suốt quá trình thụ lý vụ án đến nay bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn T.H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hùng C. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại ấp B, xã N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn T.H có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông Nguyễn Hùng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

#### *- Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn T.H khai thì bà và ông C được tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 1992 nhưng đến năm 2005 ông bà mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01, vào ngày 06/8/2005. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N cấp ngày 06/8/2005 nên xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn T.H và ông Nguyễn Hùng C là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà H trình bày năm 2020 vợ chồng thường xuyên cự cãi qua lại với nhau nguyên nhân do ông C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà nhận thấy không còn tình cảm với ông C nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm trong lối sống hàng ngày nên từ tháng 10 năm 2020 bà và ông C đã cự cãi và sống ly thân đến nay (hơn 01 năm), không ai quan tâm cuộc sống của ai. Hiện vợ chồng bà mỗi người đều có cuộc sống riêng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải vào ngày 29/6/2022 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa bà H và ông C. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông C vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông C cũng không có ý muốn hàn gắn cùng bà H. Trong phiên hòa giải bà H khẳng định không còn yêu thương ông C. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông C đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Hai con chung của bà H và ông C là Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 10/01/1993 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 26/6/1996 đã thành niên sống tự lập, bà Nguyễn T.H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn T.H khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Nguyễn Hùng C vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho ông Nguyễn Hùng C quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu và chứng minh được về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T.H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn T.H được ly hôn với ông Nguyễn Hùng C.

**2. Về con chung:** Hai cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 10/01/1993 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 26/6/1996 đã thành niên sống tự lập, bà Nguyễn T.H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Nguyễn T.H khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Nguyễn Hùng C vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho ông Nguyễn Hùng C quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn bà Nguyễn T.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011411 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn T.H đã nộp xong án phí.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã N, huyện Tiểu Cần,
- tỉnh Trà Vinh (GCNKH số 52, quyển 01/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Quyền**



